

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày 04-4-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Giang Văn Thảo

Ông Lê Tất Kê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thiêm- Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; cư trú tại: Xóm 3, thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Châu Toàn; cư trú tại: Số 19 đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị A; cư trú tại: Số 19 đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (mẹ đẻ của anh Toàn); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/ 11/ 2017, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Qua giới thiệu, chị H quen biết anh Đặng Châu T và biết anh T mắc bệnh tâm thần ở thể nhẹ. Do có tình cảm với anh T và tin rằng bệnh của anh T sẽ khỏi nên chị H tự nguyện kết hôn với anh T. Vào tháng 9 năm 2006, hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, Hải Phòng (ngày 18/9/2006). Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với mẹ đẻ của anh T là bà Lê Thị A. Thời gian đầu bệnh của anh T còn nhẹ, chỉ thỉnh thoảng bị đau đầu, mất kiểm soát. Sau 3 năm, bệnh của anh T ngày càng nặng hơn, khả năng nhận thức và kiểm soát hành vi luôn trong tình trạng bất ổn. Mỗi lần bệnh tái phát anh T thường cáu gắt, mắng chửi chị H. Anh T thường xuyên phải vào bệnh viện điều trị trong thời gian dài, khoảng 6 tháng mỗi năm. Vài năm gần đây, anh T không còn khả năng nhận biết, không làm chủ được bản thân, tâm sinh lý không bình thường, không đáp ứng được cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, chị H cùng con về nhà mẹ đẻ chị H sinh sống từ tháng 4 năm 2014 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Nhận thấy không thể chung sống với anh T được nữa, nên chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 31/8/2008. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị H và anh T không có tài sản chung.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2018, bà Lê Thị A là người đại diện tham gia tố tụng của bị đơn, trình bày:

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng chị H, anh T như lời khai của chị H. Gia đình phát hiện anh T mắc bệnh động kinh tâm thần từ năm 1998. Từ thời gian đó, anh T không lao động được, phải điều trị bệnh cho đến nay. Vào năm 2006, sau khi điều trị thời gian dài ở Bệnh viện Bạch Mai, bệnh của anh T có phần thuyên giảm, tinh thần minh mẫn hơn. Anh T chỉ có biểu hiện ít giao tiếp và nhận thức kém. Qua giới thiệu, chị H và anh T quen biết với nhau. Bà A cho chị H biết về tình trạng của anh T và có thỏa thuận với chị H là hai người sẽ chung sống như vợ chồng trong thời gian 06 tháng, nếu chị H chấp nhận được anh T thì sẽ đồng ý cho hai bên chính thức kết hôn. Sau thời gian chung sống từ khoảng tháng 02/2006 đến tháng 9/2006, chị H và anh T đều đồng ý, tự nguyện kết hôn với nhau. Gia đình chị H cũng biết tình trạng bệnh lý của anh T nhưng vẫn đồng ý. Vì vậy, chị H và anh T đã đăng ký kết hôn và hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới cho chị H và anh T theo phong tục. Quá trình chung sống của vợ chồng anh T, chị H diễn ra bình thường. Đến ngày 31/8/2008, chị H sinh cháu Đặng Minh Đ. Từ khi sinh con, bệnh của anh T tái phát nặng hơn. Anh T thường xuyên phải vào bệnh viện điều trị. Có lần anh T chửi mắng chị H khiến chị cùng con bỏ về nhà mẹ đẻ ở Hải Dương sinh sống. Sau 06 tháng chị H quay lại với anh T. Thời gian này anh T ít nói, không quan tâm, không tình cảm với chị H. Từ ngày 18/4/2014 đến nay, chị H

mang con về ở hẳn nhà mẹ đẻ, không quan tâm trách nhiệm, không một lần hỏi thăm anh T. Thời gian đầu khi chị H bỏ nhà đi, anh T còn hỏi chị H. Nhưng thời gian gần đây anh T không còn nhớ chị H, cháu Đ. Bà A có nhắc đến chị H, cháu Đ thì anh T cũng không phản ứng gì.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà A có ý kiến như sau:

Về quan hệ vợ chồng của chị H và anh T: Anh T mắc bệnh tâm thần nhiều năm nay không có khả năng lao động, không đáp ứng được nhu cầu tâm sinh lý bình thường của con người. Vì vậy, để giải phóng cho chị H, bà A đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

Về con chung của anh T và chị H: Bà A đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Đặng Minh Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: Chị H và anh T đều sống phụ thuộc vào gia đình nên không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Hải An nhận định:

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Phạm Thị H và người đại diện tham gia tố tụng của bị đơn là bà Lê Thị A đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, bà A theo quy định tại khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân:

Theo lời khai của chị H và bà A xác định tại thời điểm chị H và anh T đăng ký kết hôn (ngày 18/9/2006), anh T đã mắc bệnh động kinh tâm thần. Tuy nhiên anh T chưa bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, anh T vẫn có khả năng nhận thức, thể hiện tình cảm của mình, tự nguyện chung sống với chị H. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng, anh T chỉ đáp

ứng được cuộc sống hôn nhân trong thời gian 3 năm. Căn cứ vào xác nhận của Bệnh viện Tâm thần Hải Phòng tại Giấy chứng nhận ngày 24/10/2017, bệnh án tâm thần, sổ điều trị ngoại trú tâm thần và lời khai của chị H, bà A thì tình trạng bệnh của anh T ngày càng trầm trọng, thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện, tâm sinh lý không bình thường. Đây chính là nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh T. Từ tháng 4 năm 2014 đến nay chị H và anh T sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm trách nhiệm với nhau. Xét tình trạng hôn nhân của chị H và anh T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

[4] Về nuôi con chung: Theo lời khai của chị H và bà A xác định chị H và anh T có 01 con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 31/8/2008.

[5] Xét anh T hiện nay thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện tâm thần, nên không có điều kiện nuôi dạy, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng (căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình).

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Đặng Châu T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 31/8/2008 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016079 ngày 16/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường